Inspire SCHOOLS
HỆ THỐNG TRƯỜNG KHAI NGUYÊN

GLOBAL RECOGNITION & ACCREDITATION
WORLD'S BEST SCHOOL PRIZES TOP 10 FINALIST 2026 | Google for Education Reference School | STEM

# BÁO BÀI - LỚP 5A – ISP01

## Class Assignment Report - Grade 5A

*(Tuần/week: **1** Từ ngày/From **17/08/2026** đến ngày/To **21/08/2026**)*
*GVCN/ Homeroom Teacher: **Trần Mỹ Liên***

| Thứ - Ngày<br>Day - Date | Tiết<br>Period | Môn học<br>Subject | Nội dung học tập<br>Lesson Details | Dặn dò<br>Preparation Notes |
|---|---|---|---|---|
| **Thứ Hai**<br>***Monday***<br>**17/08/2026** | **1** | **Math** | Getting to know math | |
| | **2** | **English** | PU1: Breaking the ice: All about me<br>PU2: 01+07: All About Me | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành các bài tập được giao (nếu có) |
| | **3** | **English** | PU1: Setting the classroom rules<br>PU2: 01+07: Unit 1: My ID / Unit 2: School days | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành các bài tập được giao (nếu có) |
| | **4** | **Giáo dục thể chất** | -Giới thiệu và làm quen lớp học.<br>-Nội quy, quy trình lớp học.<br>-Giới thiệu môn học Giáo dục thể chất, hướng dẫn vệ sinh sân bãi và chuẩn bị dụng cụ khi học. | Mặc đồng phục thể thao và đi giày thể thao.<br>Mang theo bình nước cá nhân và khăn lau mồ hôi. |
| | **5** | **Giáo dục thể chất** | Chơi các trò chơi vận động. | Tiếp tục mang trang phục thể thao, giày thể thao và nước uống cá nhân. |
| | **6** | **STEAM Lab** | Du hành đến trung tâm Trái đất | |
| | **7** | **STEAM Lab** | Du hành đến trung tâm Trái đất | |
| | **8** | **Math** | Getting to know math | |
| | **9** | | | |
| **Thứ Ba**<br>***Tuesday***<br>**18/08/2026** | **1** | **Tiếng Việt** | Bài 1 - Đọc: Thanh âm của gió | SGK TV5, VBT TV5, đồ dùng học tập, ... |
| | **2** | **English** | PU1: Review grammar<br>CB 4: Unit 1 - 4<br>PU2: 01+07: Unit 1: My ID / Unit 2: School days | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành các bài tập được giao (nếu có) |
| | **3** | **English** | PU1: Review grammar<br>CB 4: Unit 5 - 7<br>PU2: 01+07: Unit 3: Everyday | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành các bài tập được giao (nếu có) |
| | **4** | **Nghệ thuật sáng tạo** | ÂM NHẠC: Chim sơn ca<br>Warm up: Làm quen, giới thiệu nội dung môn học. | SGK, Bình nước cá nhân |
| | **5** | **Nghệ thuật sáng tạo** | ÂM NHẠC: Giới thiệu nội quy lớp học phòng chức năng của bộ môn | SGK, Bình nước cá nhân |



| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **6** | **AI & Digital Innovation** | Làm quen với môn AI & Digital Innovation | Đem theo máy tính bảng cá nhân cài sẵn Google Classroom |
| | **7** | **AI & Digital Innovation** | Làm quen với môn AI & Digital Innovation | Đem theo máy tính bảng cá nhân cài sẵn Google Classroom |
| | **8** | **Tiếng Việt** | Bài 1 - Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ | SGK TV5, VBT TV5, đồ dùng học tập, ... |
| | **9** | | | |
| **Thứ Tư *Wednesday* 19/08/2026** | **1** | **Global Perspectives** | How can we save water?: Getting started (p. 80-81) | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành bài tập được giao (nếu có) |
| | **2** | **English** | PU1: Breaking the ice: All about me<br>PU2: 01+07: All About Me | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành các bài tập được giao (nếu có) |
| | **3** | **English** | PU1: Setting the classroom rules<br>PU2: 01+07: Unit 1: My ID / Unit 2: School days | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành các bài tập được giao (nếu có) |
| | **4** | **Tiếng Việt** | Bài 1 - Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo | SGK TV5, VBT TV5, đồ dùng học tập, ... |
| | **5** | **Tiếng Việt** | Bài 2 - Đọc: Cánh đồng hoa | SGK TV5, VBT TV5, đồ dùng học tập, ... |
| | **6** | **Global Perspectives** | How can we save water?: Getting started (p. 80-81) | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành bài tập được giao (nếu có) |
| | **7** | **Toán** | Bài 1. Ôn tập số tự nhiên (tiết 1) | SGK Toán 5, VBT Toán 5, đồ dùng học tập, ... |
| | **8** | **Toán** | Bài 1. Ôn tập số tự nhiên (tiết 2) | SGK Toán 5, VBT Toán 5, đồ dùng học tập, ... |
| | **9** | | | |
| **Thứ Năm *Thursday* 20/08/2026** | **1** | **Tiếng Việt** | Bài 2 - Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo) | SGK TV5, VBT TV5, đồ dùng học tập, ... |
| | **2** | **English** | PU1: Review grammar<br>CB 4: Unit 1 - 4<br>PU2: 01+07: Unit 1: My ID / Unit 2: School days | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành các bài tập được giao (nếu có) |
| | **3** | **English** | PU1: Review grammar<br>CB 4: Unit 5 - 7<br>PU2: 01+07: Unit 3: Everyday | Ôn lại từ vựng và mẫu câu đã học. Chuẩn bị bài mới và hoàn thành các bài tập được giao (nếu có) |
| | **4** | **Toán** | Bài 2. Ôn tập các phép tính với số tự nhiên (Tiết 1) | SGK Toán 5, VBT Toán 5, đồ dùng học tập, ... |
| | **5** | **Toán** | Bài 2. Ôn tập các phép tính với số tự nhiên (Tiết 2) | SGK Toán 5, VBT Toán 5, đồ dùng học tập, ... |



| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **6** | **Bơi** | -Làm quen lớp học.<br>-Giới thiệu nội dung môn bơi.<br>-Hướng dẫn cách sử dụng dụng cụ bơi : Phao tay, phao lưng, phao ống, ván lướt, kính bơi ...<br>-Học các kiểu xuống hồ đúng cách. | Mang khăn tắm, kính bơi, dầu gội, đồ thay. |
| | **7** | **Bơi** | -Làm quen lớp học.<br>-Giới thiệu nội dung môn bơi.<br>-Hướng dẫn cách sử dụng dụng cụ bơi : Phao tay, phao lưng, phao ống, ván lướt, kính bơi ...<br>-Học các kiểu xuống hồ đúng cách. | Mang khăn tắm, kính bơi, dầu gội, đồ thay. |
| | **8** | **Tiếng Việt** | Bài 2: Đọc mở rộng | SGK TV5, VBT TV5, đồ dùng học tập, ... |
| | **9** | | | |
| **Thứ Sáu**<br>***Friday***<br>**21/08/2026** | **1** | **Toán** | Bài 3. Ôn tập phân số (Tiết 1) | SGK Toán 5, VBT Toán 5, đồ dùng học tập, ... |
| | **2** | **Ôn tập** | Ôn tập đầu năm | |
| | **3** | **Wellbeing** | Bài 1: Chào lớp 5: Tôi là ai trong thế giới này? | Học sinh chuẩn bị một cuốn vở |
| | **4** | **Khoa học** | Bài 1: Thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng (Tiết 1) | SGK Khoa học 5, đồ dùng học tập, ... |
| | **5** | **Global Citizen Competencies** | Bài 1: Tôi là người cầm lái | Học sinh chuẩn bị một cuốn vở |
| | **6** | **Lịch sử & Địa lý** | Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca (Tiết 1) | SGK LSĐL 5, đồ dùng học tập, ... |
| | **7** | **Lịch sử & Địa lý** | Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca (Tiết 2) | SGK LSĐL 5, đồ dùng học tập, ... |
| | **8** | **Ôn tập** | Ôn tập đầu năm | |
| | **9** | | | |

